

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1491/2022/DS-ST

Ngày: 09-8-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0706/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2022/QĐXX-ST ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, Quận B, Thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quốc T; Địa chỉ: Phạm Văn Chiêu, Phường A, quận B, Thành phố C (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021); (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Trúc P (Vắng mặt)

Địa chỉ: Yên Đỗ, Phường A, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2021, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà Phạm Trúc P ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ vào thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức sử dụng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng cho bà P sử dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ngày 22/10/2019, bà P đã sử dụng thẻ để giao dịch với tổng số tiền 48.994.500 đồng và từ đó đến nay bà P không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nào. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 19/5/2022, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền: 120.744.212 đồng, trong đó: Nợ gốc: 58.554.172 đồng; Lãi quá hạn: 62.190.040 đồng.

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bị đơn bà Phạm Trúc P thanh toán toàn bộ nợ vay phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/5/2022 số tiền là 120.744.212 đồng cùng với tiền lãi phát sinh tiếp tục tính từ ngày 22/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ.

* Bị đơn bà Phạm Trúc P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/4/2021, 19/5/2022 nhưng bà Phạm vẫn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bà Phạm Trúc P là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Bị đơn bà Phạm Trúc P có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Yên Đỗ, Phường A, quận B, Thành phố C. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Phạm Trúc P tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần nhất vào ngày 14/7/2022 và lần thứ hai vào ngày 09/8/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Phạm Trúc P.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/9/2019 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) có chữ ký của bà Phạm Trúc P; Bảng tóm tắt sao kê thẻ tín dụng số 472075-5659 cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn sử dụng với hạn mức 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ngày 22/10/2019 bị đơn đã thực hiện giao dịch với số tiền 48.994.500 đồng và từ sau ngày 22/10/2019, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản nào nên bị đơn phải chịu lãi và các khoản phí khác là phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, lãi trong hạn (31,2%/năm), phí thường niên, tính đến ngày 22/02/2020 có dư nợ là 58.554.172 đồng. Ngày 22/02/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn sang nợ quá hạn với mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trong hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại hợp đồng. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2022, nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

+ Yêu cầu bà Phạm Trúc P thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử 09/8/2022 là 126.986.052 đồng, gồm: Nợ gốc: 58.554.172 đồng, lãi quá hạn: 68.431.880 đồng.

+ Thay đổi yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 22/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ thành từ ngày 10/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện phù hợp quy định tại Điều 243, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên đã thống nhất thỏa thuận, lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất thẻ tín dụng, nên việc bà Phạm Trúc P không thanh toán tiền nợ gốc, lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xem xét về thời gian tính lãi, mức lãi suất và phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí mà ngân hàng đã áp dụng là hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 22 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Trúc P thanh toán nợ lãi tính đến ngày 09/8/2022 số tiền 68.431.880 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền là 126.986.052 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 58.554.172 đồng và 68.431.880 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/8/2022 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật án phí, lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Bà Phạm Trúc P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cấp ngày 12/9/2019 số tiền là 126.986.052 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc 58.554.172 đồng và 68.431.880 đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/8/2022, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/8/2022, bà Phạm Trúc P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 12/9/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 6.349.303 đồng bà Phạm Trúc P phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.240.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0089703 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, bà Phạm Trúc P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ái Long